



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	7-45
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>14-44</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>45</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600116271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 07 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07: 125.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Điện thoại : (0210) 3885 310
Fax : (0210) 3884 023
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 1 6 2 7 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 45).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên
Ông Tạ Trung Hiếu	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Đạt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Tuyên	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Tạ Đức Thiệm	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên
Ông Triệu Quang Nhân	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm 01/01/2024 và 30/6/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 553.104.072.708 đồng và 560.394.100.490 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là (444.750.599.212) đồng và (462.774.364.265) đồng, tương ứng (356%) và (370%) vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu lần lượt là (314.901.197.290) đồng và (332.924.962.343) đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch đầu tư nâng cấp và mở rộng sản xuất bằng việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác để cải tạo, nâng cấp công suất lò nung và lắp đặt trạm nghiền xi măng. Bên cạnh đó, Công ty ký kết các văn bản thỏa thuận với các nhà cung cấp lớn, các đại lý và các khách hàng truyền thống để kéo giãn lịch trả nợ, nhận ứng trước tiền hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các phương án kinh doanh của Công ty đã được các Ngân hàng tín dụng thẩm định và xem xét giãn thời gian trả nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ ngân hàng.

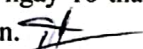
Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

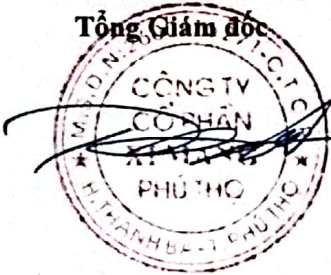
Cam kết khác

Ban Tổng Giám Đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. 

Phú Thọ, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Đạt

Số : 1007.02.02/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 01/01/2024 và 30/6/2024. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ, dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 01/01/2024 bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 8,12 tỷ VND, trả trước cho người bán ngắn hạn 9,86 tỷ VND, phải trả người bán ngắn hạn 54,25 tỷ VND, người mua trả tiền trước ngắn hạn 9,39 tỷ VND và tại thời điểm 30/6/2024, bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 16,19 tỷ VND, trả trước cho người bán ngắn hạn 9,81 tỷ VND, phải trả người bán ngắn hạn 50,56 tỷ VND, người mua trả tiền trước ngắn hạn 9,57 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31/12/2024 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 01/01/2024 và 30/6/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 553.104.072.708 đồng và 560.394.100.490 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là (444.750.599.212) đồng và (462.774.364.265) đồng, tương ứng (356%) và (370%) vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu lần lượt là (314.901.197.290) đồng và (332.924.962.343) đồng, năm 2024 là năm thứ 14 công ty có hoạt động kinh doanh thua lỗ. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch đầu tư nâng cấp và mở rộng sản xuất bằng việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác để cải tạo, nâng cấp công suất lò nung và lắp đặt trạm nghiền xi măng. Bên cạnh đó, Công ty ký kết các văn bản thỏa thuận với các nhà cung cấp lớn, các đại lý và các khách hàng truyền thống để kéo giãn lịch trả nợ, nhận ứng trước tiền hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các phương án kinh doanh của Công ty đã được các Ngân hàng tín dụng thẩm định và xem xét giãn thời gian trả nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ ngân hàng. Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Theo thuyết minh số V.4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, tại ngày 01/01/2024 và 30/6/2024, Công ty đang theo dõi khoản phải thu khác đối tượng "Ban quản lý dự án Xi măng lò quay sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản" số tiền 6,9 tỷ. Đây là tiền để thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền Clinker lò quay phải thu lại từ Ban quản lý dự án. Công ty đang tiến hành rà soát lại khoản công nợ này để có thể thu hồi và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định xử lý trong thời gian sắp tới.

Các vấn đề trên không làm thay đổi kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNKT số: 1690-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.060.606.407	55.117.594.901
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.959.041	79.738.593
1. Tiền	111		38.959.041	79.738.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.621.249.438	36.577.988.897
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	17.949.505.510	16.311.512.917
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.815.802.638	9.857.302.638
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	13.711.359.079	15.264.591.131
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.022.516.106)	(5.022.516.106)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		167.098.317	167.098.317
IV. Hàng tồn kho	140		18.575.671.847	17.771.359.159
1. Hàng tồn kho	141	V.6	18.575.671.847	17.771.359.159
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		824.726.081	688.508.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	756.260.220	620.042.391
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		68.465.861	68.465.861
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		272.219.138.147	288.702.875.418
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		305.000.000	1.511.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	305.000.000	1.511.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		242.025.583.381	254.441.950.560
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	242.025.583.381	254.441.950.560
Nguyên giá	222		571.088.939.527	570.990.939.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(329.063.356.146)	(316.548.988.967)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.000.000)	(160.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.996.401.108	22.002.049.691
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	21.996.401.108	22.002.049.691
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	2.033.106.293	2.064.431.824
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.466.893.707)	(1.435.568.176)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.859.047.365	8.683.443.343
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.859.047.365	8.683.443.343
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		328.279.744.554	343.820.470.319

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		661.204.706.897	658.721.667.609
I. Nợ ngắn hạn	310		616.454.706.897	608.221.667.609
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	88.814.182.848	94.152.599.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	23.105.202.473	27.784.047.228
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	24.470.023.201	22.166.609.768
4. Phải trả người lao động	314		6.336.740.799	8.244.095.269
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	69.120.535.597	64.282.134.532
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	402.529.565	402.529.565
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	214.888.279.905	206.898.995.383
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	189.317.212.509	184.290.656.309
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		44.750.000.000	50.500.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	44.750.000.000	50.500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(332.924.962.343)	(314.901.197.290)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(332.924.962.343)	(314.901.197.290)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.212.934.000	3.212.934.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.328.707.922	5.328.707.922
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(462.774.364.265)	(444.750.599.212)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(444.750.599.212)	(383.174.321.519)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(18.023.765.053)	(61.576.277.693)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		328.279.744.554	343.820.470.319

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Phan Thị Hương

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương



Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	74.427.879.302	97.991.592.441
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.427.879.302	97.991.592.441
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	76.327.707.722	98.636.407.076
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.899.828.420)	(644.814.635)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	188.235	350.942
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.543.869.788	16.745.657.670
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.512.544.257	16.980.884.120
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	892.943.642	992.104.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.671.221.438	5.840.059.828
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.007.675.053)	(24.222.286.124)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	300.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	16.390.000	23.263.766
13. Lợi nhuận khác	40		(16.090.000)	(23.263.766)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.023.765.053)	(24.245.549.890)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(18.023.765.053)	(24.245.549.890)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.486)	(1.999)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(1.486)	(1.999)

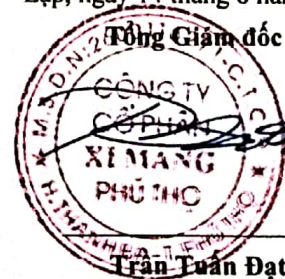
Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Phan Thị Hương

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(18.023.765.053)	(24.245.549.890)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.514.367.179	12.596.626.973
- Các khoản dự phòng	03		31.325.531	(235.226.450)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(188.235)	(350.942)
- Chi phí lãi vay	06		9.512.544.257	16.980.884.120
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.034.283.679	5.096.383.811
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.070.388.042	(748.037.436)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(804.312.688)	8.549.119.735
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.872.947.069)	(11.816.989.671)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.688.178.149	3.774.628.851
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(253.405.800)	(1.844.360.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		862.184.313	3.010.744.690
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		188.235	350.942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		188.235	350.942

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.260.000.000	2.076.158.800
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.163.152.100)	(4.842.690.452)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(903.152.100)	(2.766.531.652)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(40.779.552)	244.563.980
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	79.738.593	1.149.469.025
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	38.959.041	1.394.033.005

Người lập biểu

Phan Thị Hương

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600116271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 07 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07: 125.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Điện thoại: (0210) 3885 310
Fax : (0210) 3884 023
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 1 6 2 7 1

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh xi măng

3. Ngành nghề kinh doanh :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB 40; PCB 30; Clinker thương phẩm;
- Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông;
- Kinh doanh các vật liệu xây dựng khác/.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh khai thác nguyên vật liệu	Huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Doanh nghiệp có 178 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 217 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	20.775.162	50.558.683
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.183.879	29.179.910
Cộng	38.959.041	79.738.593

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Thành Trang	7.784.229.172	7.922.639.172
Các khách hàng khác	10.165.276.338	8.388.873.745
Cộng	17.949.505.510	16.311.512.917

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển NASOCO	1.649.393.209	1.649.393.209
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 268	4.729.172.442	4.729.172.442
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và TM Quỳnh Anh	2.436.573.433	2.436.573.433
Các nhà cung cấp khác	1.000.663.554	1.042.163.554
Cộng	9.815.802.638	9.857.302.638

4. Các khoản phải thu khác

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu Ban quản lý dự án Xi măng lò quay (*)	6.896.425.451	-	6.896.425.451	-
Phải thu tiền, vật tư của các Phân xưởng	959.314.215	-	959.314.215	-
Phải thu Công ty Cơ khí nặng Triều Dương về tiền ăn ca	543.410.000	-	543.410.000	-
Phải thu tiền tạm ứng	4.383.698.670	-	4.945.698.670	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	928.510.743	-	1.919.742.795	-
Cộng	13.711.359.079	-	15.264.591.131	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Khoản phải thu "Ban quản lý dự án Xi măng lò quay sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản" là tiền để thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền Clinker lò quay phải thu lại từ Ban quản lý dự án. Công ty đang tiến hành rà soát lại khoản công nợ này để có thể thu hồi và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định xử lý trong thời gian sắp tới.

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	305.000.000	-	1.511.000.000	-
Cộng	305.000.000	-	1.511.000.000	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.958.219.524	-	11.627.951.502	-
Công cụ, dụng cụ	174.534.604	-	181.669.409	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.085.282.529	-	1.081.931.289	-
Thành phẩm	5.662.876.291	-	2.990.020.075	-
Hàng hóa	5.938.247	-	5.938.247	-
Hàng gửi đi bán	1.688.820.652	-	1.883.848.637	-
Cộng	18.575.671.847	-	17.771.359.159	-

7. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa Dây chuyền Clinker	293.460.271	170.856.668
Công cụ dụng cụ	462.799.949	340.567.110
Vật liệu chịu nhiệt	-	108.618.613
Cộng	756.260.220	620.042.391

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bi nghiền	2.323.536.087	3.225.022.435
Chi phí sửa chữa	1.644.106.415	2.737.713.522
Công cụ dụng cụ	1.711.012.095	2.436.872.257
Các chi phí trả trước dài hạn khác	180.392.768	283.835.129
Cộng	5.859.047.365	8.683.443.343

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	154.889.203.777	408.083.613.789	7.536.897.711	376.262.077	104.962.173	570.990.939.527
Số đầu năm	-	98.000.000	-	-	-	98.000.000
Mua sắm trong kỳ	154.889.203.777	408.181.613.789	7.536.897.711	376.262.077	104.962.173	571.088.939.527
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.574.557.087	24.698.876.724	5.055.689.529	376.262.077	104.962.173	53.810.347.590
Giá trị hao mòn	82.114.178.598	227.251.614.887	6.701.971.232	376.262.077	104.962.173	316.548.988.967
Số đầu năm	2.775.698.604	9.681.087.439	57.581.136	-	-	12.514.367.179
Khấu hao trong kỳ	84.889.877.202	236.932.702.326	6.759.552.368	376.262.077	104.962.173	329.063.356.146
Số cuối kỳ						
Giá trị còn lại	72.775.025.179	180.831.998.902	834.926.479	-	-	254.441.950.560
Số đầu năm	69.999.326.575	171.248.911.463	777.345.343	-	-	242.025.583.381
Số cuối kỳ						

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 563.859.644.436 VND và 238.152.246.684 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng phát triển chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế -Chi nhánh Vĩnh Phúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	21.400.312.529	-	-	-	21.400.312.529
Dự án mở Phụ gia Tiêu Sơn (1)	581.969.191	-	-	-	581.969.191
Mở rộng đường vào Chi nhánh Khai thác đá (2)	205.377.122	-	-	-	205.377.122
Dự án mở rộng mỏ đá vôi (3)	20.612.966.216	-	-	-	20.612.966.216
Sửa chữa lớn tài sản cố định	601.737.162	17.818.772	-	(23.467.355)	596.088.579
Cộng	22.002.049.691	17.818.772	-	(23.467.355)	21.996.401.108

(1) Dự án Mở Phụ gia Tiêu Sơn đang tạm ngừng do chưa hoàn thành xong thủ tục về cấp quyền khai thác.

(2) Dự án đường vào Chi nhánh khai thác đá đang tạm ngừng do vướng một số hộ dân chưa di dời được.

(3) Dự án mở rộng mỏ đá vôi của Công ty tại địa bàn xã Ninh Dân và xã Yên Nội, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ với các thông tin chi tiết như sau:

+ Tổng mức đầu tư: Tổng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư là 16.120.316.171 đồng; Ngoài ra còn có các chi phí xây dựng khác;

+ Thời gian bắt đầu triển khai dự án vào cuối năm 2016; Thời gian dự kiến hoàn thành năm 2020

Tình trạng dự án: Đã hoàn thành các nội dung cơ bản, đang chờ nghiệm thu quyết toán công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>500.000.000</i>	-	<i>500.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên (1)	500.000.000	-	500.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>(1.466.893.707)</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>(1.435.568.176)</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (2)	3.000.000.000	(1.466.893.707)	3.000.000.000	(1.435.568.176)
Cộng	3.500.000.000	(1.466.893.707)	3.500.000.000	(1.435.568.176)

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên, tổng giá trị đầu tư là 500.000.000 VND, tỷ lệ lợi ích là 35%.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao, tổng giá trị đầu tư là 3.000.000.000 VND, tỷ lệ lợi ích là 0,47%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.082.062.253</i>	<i>21.994.935.067</i>
Công ty Cổ phần IDC	11.966.051.394	12.022.371.394
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phương Tùng	7.116.010.859	9.972.563.673
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>69.732.120.595</i>	<i>72.157.664.488</i>
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	11.293.677.445	11.293.677.445
Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội	21.262.857.095	21.262.857.095
Công ty Cổ phần Thương mại và Tổng hợp Phúc Hương	3.214.436.302	4.409.043.002
Công ty TNHH sản xuất bao bì Hưng Yên	4.866.951.819	6.129.456.724
Các nhà cung cấp khác	29.094.197.934	29.062.630.222
Cộng	88.814.182.848	94.152.599.555

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	<i>2.765.662.685</i>
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phương Tùng	-	2.765.662.685
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>23.105.202.473</i>	<i>25.018.384.543</i>
Công ty TNHH Hưng Yên	981.006.153	1.678.991.153
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Quỳnh Anh	6.614.046.000	6.614.046.000
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Vinh	8.443.834.407	7.842.528.341
Các khách hàng khác	7.066.315.913	8.882.819.049
Cộng	23.105.202.473	27.784.047.228

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.597.151.022	1.290.515.402	(495.000.000)	5.392.666.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.484.525	-	-	165.484.525
Thuế thu nhập cá nhân	773.699.425	29.854.405	-	803.553.830
Thuế tài nguyên	9.209.030.925	500.604.849	-	9.709.635.774
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	5.746.561.500	552.354.250	(195.000.000)	6.521.275.299
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	579.991.471	202.724.978	-	782.716.449
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.094.690.900	421.359.549	(4.000.000)	1.094.690.900
Cộng	22.166.609.768	2.997.413.433	(694.000.000)	24.470.023.201

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	572.291.700	544.791.700
Phải trả lãi vay thành viên ban lãnh đạo	572.291.700	544.791.700
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	68.548.243.897	63.737.342.832
Chi phí lãi vay cá nhân	39.057.900	44.089.500
Phải trả Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc về lãi vay tạm tính (*)	59.490.100.549	57.490.100.549
Phải trả nhà cung cấp khối lượng hoàn thành xây dựng cơ bản tạm ghi nhận	9.019.085.448	6.203.152.783
Cộng	69.120.535.597	64.282.134.532

(*) Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 30/6/2024, không tính lãi phạt quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là Doanh thu nhận trước về số tiền hàng khách trả trước cho hàng hóa chưa lấy.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	232.468.868	232.154.997
Kinh phí công đoàn	3.229.430.155	3.175.775.407
Bảo hiểm xã hội	2.374.553.126	1.781.716.072
Bảo hiểm y tế	198.214.323	31.790.073
Bảo hiểm thất nghiệp	90.745.820	16.623.696
Phải trả về cổ phần hóa	3.902.216.322	3.902.216.322
Phải trả tiền cổ tức	3.143.175.000	3.143.175.000
Phải trả lãi vay ngân hàng	195.467.945.860	188.410.984.103
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (*)	138.962.969.692	134.271.614.679
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (**)	56.504.976.168	54.139.369.424
Lãi phải trả Công ty Cổ phần Constrexim số 1	4.562.133.147	4.562.133.147
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.687.397.284	1.642.426.566
Cộng	<u>214.888.279.905</u>	<u>206.898.995.383</u>

(*) Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 30/06/2024, không tính lãi phạt quá hạn.

(**) Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 30/06/2024, không tính lãi phạt quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính**a) Ngân hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	260.000.000	260.000.000	-	-
Vay ông Triệu Quang Thuận	260.000.000	260.000.000	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	189.057.212.509	189.057.212.509	184.290.656.309	184.290.656.309
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.374.442.584	11.374.442.584	11.374.442.584	11.374.442.584
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)</i>	11.374.442.584	11.374.442.584	11.374.442.584	11.374.442.584
Vay ngắn hạn các cá nhân khác (2)	3.842.763.900	3.842.763.900	4.826.207.700	4.826.207.700
Vay dài hạn đến hạn trả	173.840.006.025	173.840.006.025	168.090.006.025	168.090.006.025
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ</i>	52.889.272.092	52.889.272.092	47.139.272.092	47.139.272.092
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (3)</i>	63.055.629.003	63.055.629.003	63.055.629.003	63.055.629.003
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)</i>	57.895.104.930	57.895.104.930	57.895.104.930	57.895.104.930
Cộng	189.317.212.509	189.317.212.509	184.290.656.309	184.290.656.309

(1) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/399179/HĐTD ngày 17/09/2015, hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 VNĐ bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/399179/HĐTD ngày 28/8/2014 sang. Mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2016, đến 30/06/2024 khoản vay trên đã đến hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HD ngày 28/12/2012, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 22.535.370.000 VNĐ.

(2) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân thời hạn vay từ 3 - 12 tháng, lãi suất 10%/năm, cho vay theo hình thức tín chấp, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(3) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HĐ ngày 26/09/2007 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2015/399179/SĐHĐ ngày 31/03/2015. Số tiền vay tối đa 100.000.000.000 VND bao gồm cả ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất áp dụng cố định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở hợp đồng thế chấp ngày 28/03/2008 với ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

(4) Là khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng số 0180707/HDTĐ2-VIB ngày 03/08/2007 và Biên bản về việc thỏa thuận về việc xử lý thu hồi nợ ngày 08/01/2014. Số tiền vay 125.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, lãi suất áp dụng cố định trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay 96 tháng. Đến 30/06/2024 khoản vay trên đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở hợp đồng thế chấp ngày 28/03/2008 với ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Lãi tiền vay nhập gốc	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.374.442.584	-	-	-	-	11.374.442.584
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	260.000.000	-	-	-	260.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	4.826.207.700	1.000.000.000	179.708.300	-	(2.163.152.100)	3.842.763.900
Vay dài hạn đến hạn trả	168.090.006.025	-	-	5.750.000.000	-	173.840.006.025
Cộng	184.290.656.309	1.260.000.000	179.708.300	5.750.000.000	(2.163.152.100)	189.317.212.509

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Vay ông Nguyễn Khắc Lâm	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>39.750.000.000</i>	<i>39.750.000.000</i>	<i>45.500.000.000</i>	<i>45.500.000.000</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5)	39.750.000.000	39.750.000.000	45.500.000.000	45.500.000.000
Cộng	44.750.000.000	44.750.000.000	50.500.000.000	50.500.000.000

(5) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng vay vốn tín dụng số 04/2007/HĐTD-TDII ngày 25/10/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04G/2007/HĐTD-TDII ngày 31/12/2015. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, thời hạn vay 240 tháng, lãi phát sinh thực hiện trả hàng tháng trên dư nợ vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở hợp đồng thế chấp ngày 28/03/2008 với ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các bên liên quan	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	45.500.000.000	-	(5.750.000.000)	39.750.000.000
Cộng	50.500.000.000	-	(5.750.000.000)	44.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(383.174.321.519)	(253.324.919.597)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(61.576.277.693)	(61.576.277.693)
Số dư cuối năm trước	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(444.750.599.212)	(314.901.197.290)
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(444.750.599.212)	(314.901.197.290)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(18.023.765.053)	(18.023.765.053)
Số dư cuối kỳ	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(462.774.364.265)	(332.924.962.343)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Ông Triệu Quốc Hoàn	6.604.500.000	5,28%	6.604.500.000	5,28%
Ông Trần Tuấn Đạt	8.855.500.000	7,08%	8.845.000.000	7,08%
Ông Triệu Quang Thuận	14.516.500.000	11,61%	14.516.500.000	11,61%
Vốn góp của các cổ đông khác	91.331.260.000	73,08%	91.341.760.000	73,08%
Cổ phiếu quỹ	3.692.240.000	2,95%	3.692.240.000	2,95%
Cộng	125.000.000.000	100,00%	125.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	369.224	369.224
- Cổ phiếu phổ thông	369.224	369.224
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.130.776	12.130.776
- Cổ phiếu phổ thông	12.130.776	12.130.776
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	365,15	365,15

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	74.151.573.307	97.837.563.884
Doanh thu bán hàng hóa	267.213.804	148.774.968
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.092.191	5.253.589
Cộng	74.427.879.302	97.991.592.441

Trong đó, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần IDC	52.148.145	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Phương Tùng	12.277.625.521	7.452.317.264

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	62.457.910.404	95.362.929.056
Giá vốn của hàng hóa đã bán	267.213.804	148.774.975
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất	13.602.583.514	3.124.703.045
Cộng	76.327.707.722	98.636.407.076

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	188.235	350.942
Cộng	188.235	350.942

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.512.544.257	16.980.884.120
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	31.325.531	(235.226.450)
Cộng	9.543.869.788	16.745.657.670

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	433.046.000	541.888.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.901.076	282.214.468
Các chi phí khác	188.996.566	168.002.465
Cộng	892.943.642	992.104.933

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.349.460.859	2.383.985.213
Chi phí vật liệu quản lý	285.629.585	451.687.331
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.458.683	85.811.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.559.938	262.370.927
Thuế, phí và lệ phí	760.072.175	667.241.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.431.493.943	1.176.322.184
Các chi phí khác	614.546.255	812.640.813
Cộng	5.671.221.438	5.840.059.828

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	300.000	-
Cộng	300.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, truy thu	-	23.263.766
Chi phí ủng hộ	16.390.000	-
Cộng	16.390.000	23.263.766

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.023.765.053)	(24.245.549.890)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	13.618.973.514	3.147.966.811
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất</i>	13.602.583.514	3.124.703.045
<i>Chi phí ủng hộ</i>	16.390.000	-
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	-	23.263.766
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(4.404.791.539)	(21.097.583.079)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	-	-
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.023.765.053)	(24.245.549.890)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.023.765.053)	(24.245.549.890)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.130.776	12.130.776
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.486)	(1.999)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.554.882.510	63.809.170.234
Chi phí nhân công	4.653.829.339	7.729.086.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.514.367.179	12.596.626.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.917.853.400	19.706.499.869
Chi phí khác	2.464.906.041	4.757.044.906
Cộng	85.105.838.469	108.598.428.637

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay nhập gốc	179.708.300	873.907.200

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên HĐQT
Ông Tạ Trung Hiếu	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Thành viên HĐQT
Ông Trần Tuấn Đạt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đức Thiệm	Trưởng BKS
Ông Triệu Quang Nhân	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên BKS
Ông Vũ Anh Phương	Kế toán trưởng

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Vay tiền	260.000.000	1.076.158.800
Lãi vay nhập gốc	-	447.793.300
Trả tiền vay	-	1.000.000.000
Phải trả tiền lãi vay	227.500.000	907.290.300
Trả lãi vay	200.000.000	1.529.309.500

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày chi tiết ở thuyết minh số V.15 và V.18a.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Triệu Quang Thuận	71.818.600	. 114.488.900
Ông Phạm Quang Anh	16.000.000	20.000.000
Ông Tạ Trung Hiếu	16.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Khắc Lâm	16.000.000	20.000.000
Ông Trần Tuấn Đạt	58.786.300	93.563.500
Bà Trần Thị Phương Linh	39.512.500	69.131.800
Ông Nguyễn Phi Tuyên	39.160.300	67.743.900
Ông Vũ Anh Phương	48.457.300	76.592.500
Ông Tạ Đức Thiệm	16.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lâm	8.000.000	10.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh Yên	8.000.000	10.000.000

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần IDC	Ông Nguyễn Khắc Lâm - thành viên HĐQT là người đại diện theo pháp luật
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Phương Tùng	Con dâu ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần IDC		
Phải thu tiền bán hàng	56.320.000	-
Bù trừ công nợ phải thu phải trả	56.320.000	-
Phải trả tiền mua hàng	-	8.516.449.260
Trả tiền mua hàng	-	6.900.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Phương Tùng		
Phải thu tiền bán xi măng	13.259.835.556	8.197.549.058
Thu tiền bán xi măng	4.854.000.000	8.197.549.058
Phải trả tiền mua hàng	2.783.620.057	5.334.922.936
Trả tiền mua hàng	-	8.141.993.503
Bù trừ công nợ phải thu phải trả	5.640.172.871	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày chi tiết ở thuyết minh số V.12 và V.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty trong kỳ là lĩnh vực sản xuất xi măng, chiếm gần 100% doanh thu trong kỳ, các hoạt động khác là không đáng kể, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	189.317.212.509	44.750.000.000	-	234.067.212.509
Phải trả người bán	88.814.182.848	-	-	88.814.182.848
Các khoản phải trả khác	290.345.556.301	-	-	290.345.556.301
Cộng	568.476.951.658	44.750.000.000	-	613.226.951.658
Số đầu năm				
Vay và nợ	184.290.656.309	50.500.000.000	-	234.790.656.309
Phải trả người bán	94.152.599.555	-	-	94.152.599.555
Các khoản phải trả khác	279.425.225.184	-	-	279.425.225.184
Cộng	557.868.481.048	50.500.000.000	-	608.368.481.048

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.959.041	79.738.593	38.959.041	79.738.593
Phải thu khách hàng	13.009.611.404	11.371.618.811	13.009.611.404	11.371.618.811
Các khoản phải thu khác	14.016.359.079	16.775.591.131	14.016.359.079	16.775.591.131
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.033.106.293	2.064.431.824	2.033.106.293	2.064.431.824
Cộng	29.098.035.817	30.291.380.359	29.098.035.817	30.291.380.359
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	234.067.212.509	234.790.656.309	234.067.212.509	234.790.656.309
Phải trả người bán	88.814.182.848	94.152.599.555	88.814.182.848	94.152.599.555
Các khoản phải trả khác	290.345.556.301	279.425.225.184	290.345.556.301	279.425.225.184
Cộng	613.226.951.658	608.368.481.048	613.226.951.658	608.368.481.048

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm 01/01/2024 và 30/6/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 553.104.072.708 đồng và 560.394.100.490 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là (444.750.599.212) đồng và (462.774.364.265) đồng, tương ứng (356%) và (370%) vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu lần lượt là (314.901.197.290) đồng và (332.924.962.343) đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch đầu tư nâng cấp và mở rộng sản xuất bằng việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác để cải tạo, nâng cấp công suất lò nung và lắp đặt trạm nghiền xi măng. Bên cạnh đó, Công ty ký kết các văn bản thỏa thuận với các nhà cung cấp lớn, các đại lý và các khách hàng truyền thống để kéo giãn lịch trả nợ, nhận ứng trước tiền hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các phương án kinh doanh của Công ty đã được các Ngân hàng tín dụng thẩm định và xem xét giãn thời gian trả nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ ngân hàng.

Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Đạt